

LUẬN VĂN:

**Quản lý nhà nước về tôn giáo - thực
trạng và giải pháp bảo đảm hiệu
lực, hiệu quả**

Lời nói đầu

Tôn giáo là một thực thể xã hội xuất hiện sớm trong lịch sử loài người, có nguồn gốc hình thành, phát triển và ảnh hưởng đến đời sống chính trị, văn hoá, xã hội khác nhau trong mỗi quốc gia và trên toàn thế giới. Tự do tôn giáo là một trong những quyền tự nhiên của con người và phải được pháp luật bảo vệ, đồng thời đó cũng là một mặt của giá trị dân chủ trên thế giới hiện nay.

Tín ngưỡng tôn giáo là một nhu cầu tinh thần của nhân dân, nhưng tôn giáo với tư cách là một thực thể xã hội, là một lĩnh vực của đời sống xã hội thì tôn giáo cũng phải được nhà nước có chủ quyền quản lý như quản lý các lĩnh vực khác. Vấn đề quản lý nhà nước về tôn giáo là một yêu cầu khách quan, cần thiết, bởi chỉ có được quản lý thì hoạt động tôn giáo mới thực sự diễn ra bình thường, quan hệ giữa các tôn giáo, giữa các tín đồ mới thực sự bình đẳng, quyền tự do theo hoặc không theo tôn giáo nào của công dân mới được đảm bảo và tôn giáo không bị lợi dụng để nhằm mục đích chính trị hay ý đồ xấu.

Việt Nam là đất nước có nhiều tôn giáo, đa dạng về tổ chức, khác nhau về số lượng, có nguồn gốc phát sinh, du nhập, phát triển và ảnh hưởng khác nhau, trong đời sống chính trị, văn hoá, xã hội. Kể từ khi nước Việt Nam dân chủ cộng hoà ra đời (tháng 8/1945) đến nay là nước Cộng hoà XHCN Việt Nam, vấn đề quản lý nhà nước đối với hoạt động tôn giáo luôn được thực hiện nhất quán đó là: đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo của công dân; mọi tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật, các hành vi lợi dụng tôn giáo vào mục đích chính trị gây mất an ninh, trật tự và chủ quyền quốc gia đều bị nghiêm trị. Nó được thể hiện sinh động trong các văn kiện của Đảng, các bản Hiến pháp 1946, 1959, 1980, 1992, trong các Sắc lệnh, Pháp lệnh, các bài viết, bài nói của lãnh tụ...

Trong tiểu luận này đề cập đến vấn đề quản lý nhà nước về tôn giáo - Thực trạng và giải pháp đảm bảo hiệu lực hiệu quả.

Bố cục tiểu luận gồm 3 phần:

Phần thứ nhất: Cơ sở lý luận về quản lý nhà nước đối với hoạt động tôn giáo ở Việt Nam

Phần thứ hai: Nội dung quản lý nhà nước về tôn giáo, thực trạng và giải pháp đảm bảo hiệu lực, hiệu quả thời gian tới

Phần thứ ba: Kết luận.

Phần thứ nhất
cơ sở lý luận về quản lý nhà nước đối với
hoạt động tôn giáo ở Việt Nam

Quản lý về tôn giáo là một lĩnh vực, nhiệm vụ quan trọng của quản lý nhà nước, đồng thời là của công tác tôn giáo. Nghị quyết số 25/NQ-TW ngày 12-3-2003 của Bộ Chính trị khoá IX về "công tác tôn giáo" đã xác định phải "tăng cường quản lý nhà nước về tôn giáo".

a) Khái niệm về tôn giáo

Tôn giáo: Thuật ngữ tôn giáo xuất phát từ tiếng La tinh (Relegere), nghĩa là: thu lượm thêm sức mạnh siêu nhiên. Theo từ điển tiếng Việt do Viện Ngôn ngữ học chủ biên xuất bản năm 2005 thì tôn giáo "1. Hình thái ý thức xã hội gồm những quan niệm dựa trên cơ sở tin và sùng bái những lực lượng siêu tự nhiên, cho rằng có lực lượng siêu tự nhiên quyết định số phận con người, con người phải phục tùng và tôn thờ; 2. Hệ thống những quan niệm tín ngưỡng; sùng bái một hay những vị thần linh nào đó và những lễ nghi thể hiện sự sùng bái ấy".

Theo Khoản 3, Điều 3 Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo năm 2004 thì tổ chức tôn giáo là: tập hợp những người cùng tin theo một hệ thống giáo lý, giáo luật, lễ nghi và tổ chức theo một cơ cấu nhất định được nhà nước công nhận.

Hoạt động tôn giáo, theo khoản 5, điều 3 Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo năm 2004 là "... việc truyền bá, thực hành giáo lý, giáo luật, lễ nghi, quản lý tổ chức của tôn giáo.

b) Quản lý nhà nước về tôn giáo

Quản lý nhà nước nói chung và quản lý nhà nước về tôn giáo nói riêng là hoạt động chức năng của nhà nước. Theo nghĩa rộng: quản lý nhà nước về tôn giáo là quá trình dùng quyền lực nhà nước (cả lập pháp, hành pháp và tư pháp), theo quy định của pháp luật để tác động điều chỉnh, hướng dẫn các hoạt động tôn giáo diễn ra phù hợp với pháp luật, đạt được các mục tiêu của chủ thể quản lý. Theo nghĩa hẹp: là quá trình chấp hành và tổ chức thực hiện pháp luật của các cơ quan trong hệ thống hành pháp để điều chỉnh, hướng dẫn hoạt động các tôn giáo trong quy định của pháp luật.

Như vậy, quản lý nhà nước về tôn giáo là hoạt động của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và quyền tự do không tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân, hướng các hoạt động tôn giáo phục vụ lợi ích chính đáng của các tín đồ và phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam. Nhà nước quy định bằng pháp luật các hoạt động tôn giáo nhằm bảo đảm quyền bình đẳng giữa các công dân, các tổ chức xã hội trước pháp luật, hình thành khung pháp lý, làm cơ sở để các tôn giáo thực hiện hoạt động của mình trong khuôn khổ pháp luật.

c) Đặc điểm quản lý nhà nước về tôn giáo:

**** Chủ thể quản lý:***

Chủ thể quản lý nhà nước đối với hoạt động tôn giáo bao gồm các cơ quan nhà nước thuộc hệ thống hành pháp gồm: Chính phủ, UBND các cấp ngoài ra có các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân được nhà nước trao quyền quản lý như Bộ Công an, Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và môi trường, Ban Tôn giáo Chính phủ...

**** Khách thể quản lý:*** Đó chính là hoạt động của các tổ chức tôn giáo, chức sắc, người tu hành, tín đồ.

d) Các nguyên tắc quản lý nhà nước về tôn giáo

Một là, nhà nước đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và tự do không tín ngưỡng, tôn giáo của công dân; nghiêm cấm sự phân biệt đối xử vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo.

Hai là, công dân có tín ngưỡng, tôn giáo hoặc không có tín ngưỡng, tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật, được hưởng mọi quyền công dân và có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ công dân.

Ba là, các hoạt động tôn giáo phải tuân thủ pháp luật của nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam.

Bốn là, mọi hành vi vi phạm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, mọi hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để chống lại nhà nước Việt Nam, ngăn cản tín đồ thực hiện nghĩa vụ công dân, phá hoại sự nghiệp đoàn kết toàn dân, làm tổn hại đến nền văn hoá lành mạnh của dân tộc và hoạt động mê tín dị đoan đều bị xử lý theo pháp luật.

e) Sự cần thiết phải quản lý nhà nước về tôn giáo

Có quan điểm cho rằng, hoạt động tôn giáo là công việc nội bộ của tôn giáo, nó là hoạt động tự quản nên không cần Nhà nước phải quản lý, điều chỉnh, nếu có quản lý nhà nước về tôn giáo thì không có tự do tôn giáo...

Có quan điểm, chúng ta đã có Hiến pháp, bộ luật dân sự, hình sự quy định về tự do và bảo vệ tự do tín ngưỡng, tôn giáo; tự do không tín ngưỡng, tôn giáo do đó, không cần có pháp luật riêng về tôn giáo...

Lịch sử từ khi có nhà nước đến nay, không có nhà nước nào không thực hiện chức năng quản lý đối với tôn giáo (trong lịch sử có thời kỳ thần quyền lẫn át thế quyền). Thực tiễn ngày nay cho thấy, ở bất cứ quốc gia nào, ở đâu có tôn giáo, hoạt động tôn giáo thì đều có sự can thiệp điều chỉnh của nhà nước. *Không quản lý nhà nước về tôn giáo sẽ dẫn đến các tôn giáo hoạt động vô chính phủ, chèn ép, công kích lẫn nhau, xã hội sẽ không phát triển lành mạnh vì sự sa đà, tốn kém, về sự hiếu chiến hoặc yếm thế của một số tôn giáo, sự lợi dụng tôn giáo để phá hoại đoàn kết dân tộc, an ninh quốc gia, trật tự xã hội... do đó, quản lý nhà nước về tôn giáo là yêu cầu khách quan của mọi quốc gia.*

Phần thứ hai

Nội dung quản lý nhà nước về tôn giáo; thực trạng và giải pháp đảm bảo hiệu lực, hiệu quả trong thời gian tới

I. Nội dung quản lý nhà nước về tôn giáo

1. Đối với việc thành lập và gia nhập các tổ chức tôn giáo (công nhận pháp

nhân)

- Thủ tướng Chính phủ công nhận tổ chức tôn giáo có phạm vi hoạt động ở

nhiều tỉnh, thành phố; Chủ tịch UBND cấp tỉnh công nhận tổ chức tôn giáo có phạm vi hoạt động chủ yếu ở tỉnh đó.

- Thủ tướng Chính phủ cho phép tổ chức tôn giáo hoạt động thì được pháp luật bảo hộ. Nếu hoạt động trái tôn chỉ, mục đích, đường hướng lãnh đạo đã được Thủ tướng cho phép thì bị đình chỉ hoạt động.

- Tổ chức tôn giáo được thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất các tổ chức trực thuộc thì theo hiến chương, điều lệ của tôn giáo. Việc trên nếu thực hiện ở cơ sở thì phải được sự chấp thuận của UBND cấp tỉnh; các trường hợp khác phải được sự chấp thuận của Thủ tướng.

- Các Hội đoàn tôn giáo được hoạt động sau khi tổ chức tôn giáo đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Các dòng tu, tu viện và các tôn giáo tu hành tập thể khác của tôn giáo muốn hoạt động phải đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Để đảm bảo an ninh, trật tự và sự bình đẳng giữa người theo đạo và người không theo đạo, nhà nước cấm không cho nhập tu những người trốn tránh pháp luật và các nghĩa vụ công dân.

2. Đối với việc tiến hành các lễ nghi tôn giáo và hoạt động tôn giáo khác

- Người tham gia hoạt động tôn giáo phải tôn trọng quy định của lễ hội, hương ước, quy ước của cộng đồng. Hoạt động tôn giáo đó phải đảm bảo an toàn, tiết kiệm, phù hợp với truyền thống, bản sắc văn hoá dân tộc, giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường.

- Hàng năm người phụ trách tổ chức tôn giáo cơ sở phải đăng ký với chính quyền chương trình hoạt động tôn giáo diễn ra trong năm. Nếu có sự thay đổi quan trọng thì phải báo cáo và được sự đồng ý của UBND cấp trên cho phép.

- Các hoạt động tôn giáo (cầu nguyện, hành lễ, giảng đạo, học giáo lý...) đã đăng ký hàng năm và được chấp thuận của chính quyền thì tổ chức ở nơi thờ tự. Nếu vượt ra khỏi cơ sở thờ tự, hoặc chưa đăng ký hàng năm thì chỉ được thực hiện khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

- Chức sắc tôn giáo, nhà tu hành phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động tôn giáo trong phạm vi mình phụ trách.

- Việc tổ chức Đại hội, Hội nghị của các tổ chức tôn giáo phải được sự chấp thuận của các cấp chính quyền và cơ quan chức năng tùy theo tính chất và phạm vi của Đại hội, Hội nghị.

- Việc coi nói, sửa chữa, xây dựng mới nơi thờ tự được thực hiện theo nguyên tắc: sửa chữa nhỏ (không làm biến dạng công trình cũ) chỉ cần thông báo với chính quyền sở tại; sửa chữa lớn (làm biến dạng công trình cũ) phải xin phép UBND cấp tỉnh hoặc tương đương; xây mới (trên nền cũ, quy mô cũ, quy mô mới) phải được sự chấp thuận của Chính phủ. Quá trình xây dựng phải tuân thủ các quy định về xây dựng cơ bản của nhà nước (trang thiết kế, dự toán, thi công).

- Đào tạo chức sắc: các tôn giáo được mở trường đào tạo chức sắc, nhà tu hành. Thành phần giảng viên và chương trình đào tạo phải có sự chấp thuận của chính quyền. Môn học về lịch sử Việt Nam, pháp luật Việt Nam là môn học chính khoá, chương trình, đội ngũ giáo viên các môn học này do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Người tốt nghiệp, được tấn phong, bổ nhiệm phải thực hiện theo đúng hiến chương, điều lệ của tôn giáo và phải được đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Việc điều chuyển chức sắc tôn giáo từ nơi này đến nơi khác phải thông báo và đăng ký với chính quyền nơi đi và đến.

- Việc xuất bản ấn phẩm, sản xuất và lưu thông đồ dùng phục vụ hoạt động tôn giáo không vì mục đích sinh lợi được Nhà nước cho phép và chịu sự quản lý của chính quyền sở tại. Nhà nước cấm in, sản xuất, kinh doanh, lưu hành tàng trữ sách báo, văn hoá phẩm có nội dung chống nhà nước, chia rẽ đoàn kết dân tộc, tôn giáo và trong nhân dân. Việc thực hiện các nội dung trên phải theo quy định của nhà nước.

Nếu làm trái quy định thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Đối với hoạt động quốc tế của tổ chức tôn giáo, tín đồ, nhà tu hành, chức sắc: Khi thực hiện các hoạt động quan hệ quốc tế các đối tượng nêu trên phải bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, tôn trọng độc lập chủ quyền và công việc nội bộ của các quốc gia. Khi mời tổ chức, người nước ngoài vào Việt Nam hoặc triển khai chủ trương của tổ chức tôn giáo nước ngoài ở Việt Nam; tham gia hoạt động tôn giáo, cử người tham gia khoá đào tạo về tôn giáo ở nước ngoài phải có sự chấp thuận của Ban Tôn giáo Chính phủ.

- Tổ chức, cá nhân trong nước tham gia làm thành viên của tổ chức tôn giáo ở nước ngoài, tham gia các hoạt động tôn giáo hoặc có liên quan đến tôn giáo nước ngoài thì thực hiện theo quy định của Ban Tôn giáo Chính phủ.

- Chức sắc, người tu hành là người nước ngoài được giảng đạo tại cơ sở tôn giáo của Việt Nam sau khi được Ban Tôn giáo Chính phủ chấp thuận và phải tuân thủ quy định của tổ chức tôn giáo Việt Nam và pháp luật Việt Nam.

- Người nước ngoài cư trú hợp pháp ở Việt Nam được sinh hoạt tôn giáo ở cơ sở tôn giáo như tín đồ tôn giáo Việt Nam, được mang theo ấn bản phẩm tôn giáo và đồ dùng tôn giáo khác để phục vụ bản thân theo quy định của pháp luật Việt Nam; được mời chức sắc tôn giáo là người Việt Nam để thực hiện các nghi lễ tôn giáo cho mình; tôn trọng quy định của tổ chức tôn giáo Việt Nam.

- Tổ chức, cá nhân tôn giáo nước ngoài vào Việt Nam để hoạt động trong lĩnh vực không phải là tôn giáo thì không được tổ chức, điều hành hoặc tham gia tổ chức, điều hành các hoạt động tôn giáo, không được truyền bá tôn giáo ở Việt Nam.

- Các hoạt động viện trợ của các tổ chức tôn giáo nước ngoài hoặc có liên quan đến tôn giáo nước ngoài đều phải tuân theo chính sách, chế độ quản lý, viện trợ hiện hành và thông qua các cơ quan được Chính phủ Việt Nam giao phụ trách công tác quản lý viện trợ. Các tổ chức cá nhân tôn giáo trong nước muốn nhận viện trợ thuần túy tôn giáo phải được sự chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ.

- Đối với cơ sở tín ngưỡng và tài sản của các tôn giáo hợp pháp được nhà nước bảo hộ. Nghiêm cấm việc xâm phạm các tài sản đó. Pháp luật quy định cụ thể về việc quản lý, sử dụng, cải tạo, nâng cấp công trình thuộc cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo là di

tích lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh. Việc di dời các công trình thuộc cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo do yêu cầu quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội phải được trao đổi trước với đại diện của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo và thực hiện việc đền bù theo quy định của pháp luật.

- Người mạo danh chức sắc tôn giáo, nhà tu hành thì bị xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; người đang chấp hành án phạt tù hoặc đang bị quản chế hành chính theo quy định của pháp luật không được thực hiện chức trách, chức vụ tôn giáo, không được chủ trì lễ nghi tôn giáo, truyền đạo, quản lý tổ chức tôn giáo và lễ hội tín ngưỡng, tôn giáo. Việc phục hồi chức trách, chức vụ tôn giáo của người đã hết hạn chấp hành các hình thức xử lý trên phải do tổ chức tôn giáo quản lý người đó đề nghị và được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

- Chức sắc tôn giáo, nhà tu hành được hoạt động kinh tế, văn hoá - xã hội như mọi công dân khác. Các tổ chức, kinh tế, văn hoá - xã hội của tôn giáo được coi như các tổ chức kinh tế, văn hoá - xã hội của tư nhân. Hoạt động nhân đạo, từ thiện phải theo sự hướng dẫn của các cơ quan chức năng nhà nước.

- Nhà nước quy định xử lý các hoạt động lợi dụng tôn giáo để chống đối chế độ. Nhà nước khẳng định "không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của nhà nước" (Điều 70 Hiến pháp 1992) hoặc khoản 2 điều 8 Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo năm 2004 quy định: "Không được lợi dụng quyền tín ngưỡng, tôn giáo để phá hoại hoà bình, độc lập, thống nhất đất nước; kích động bạo lực hoặc tuyên truyền chiến tranh, tuyên truyền trái pháp luật, chính sách của nhà nước; chia rẽ nhân dân; chia rẽ dân tộc, chia rẽ tôn giáo, gây rối trật tự công cộng, xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự, tài sản của người khác, cản trở việc thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân; hoạt động mê tín dị đoan và thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật khác". Như vậy, nhà nước ta quản lý về tôn giáo là không nhằm hạn chế, chống lại tôn giáo mà chỉ chống lại các thế lực lợi dụng tôn giáo để phá hoại độc lập chủ quyền của Tổ quốc, xâm hại an ninh quốc gia.

Trên đây là những nội dung cơ bản của quản lý nhà nước về tôn giáo.

II. Thực trạng và giải pháp tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về tôn giáo

1. Thực trạng quản lý nhà nước về tôn giáo

Trong quản lý đối với hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo, Nhà nước sử dụng nhiều phương thức, biện pháp khác nhau như: quản lý bằng pháp luật, bằng tuyên truyền giáo dục, thuyết phục, bằng các chính sách kinh tế - xã hội... trong đó, quản lý bằng pháp luật đối với hoạt động tôn giáo là công cụ hữu hiệu nhất, bởi vì, pháp luật có tính cưỡng chế, bắt buộc mọi người phải tuân theo, mọi tổ chức, cá nhân đều bình đẳng trước pháp luật. Tuy nhiên, để giải quyết tốt các vấn đề về tôn giáo cũng như thực hiện chức năng quản lý về tôn giáo đòi hỏi phải thực hiện kết hợp nhiều phương thức, biện pháp như nêu ở trên.

Thực tiễn quản lý nhà nước về tôn giáo ở Việt Nam cho thấy, các văn bản pháp luật của nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo được ban hành trên cơ sở đường lối, chính sách của Đảng, thể hiện sự quan tâm, tôn trọng của Đảng, Nhà nước đối với nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân cũng như các tổ chức tôn giáo ở đất nước và trên thế giới. Mặt khác, cũng có thái độ kiên quyết đấu tranh với mọi tổ chức, cá nhân lợi dụng tôn giáo để chống phá cách mạng, đi ngược lại quyền lợi của dân tộc. Tùy theo mỗi giai đoạn cách mạng, quan điểm, chính sách tôn giáo của Đảng, pháp luật của Nhà nước có sự điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. Về tổng thể hoạt động quản lý nhà nước về tôn giáo thực trạng có những ưu điểm và hạn chế sau đây.

Ưu điểm:

- Đối với hoạt động xây dựng pháp luật về tôn giáo, từ năm 1945 đến nay nhà nước ta đã có 140 văn bản quy phạm pháp luật về tôn giáo trong đó có 85 văn bản đang có hiệu lực thi hành; pháp luật về tôn giáo của nước ta ngày càng hoàn thiện, tiến bộ về nội dung và kỹ thuật lập pháp; bất kỳ pháp luật giai đoạn nào cũng đều thể hiện nhất quán chính sách của Đảng về tôn trọng và bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân, bảo vệ nơi thờ tự của các tôn giáo; đồng thời kiên quyết đấu tranh chống lại mọi âm mưu, hoạt động lợi dụng tôn giáo xâm phạm độc lập, chủ quyền của tổ quốc.

- Thực hiện pháp luật về tôn giáo, nhà nước đã kết hợp với công tác tuyên truyền giáo dục, vận động, thuyết phục đã thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ đoàn kết

lượng - giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân, hướng các tôn giáo cùng đồng hành với dân tộc; tuyên truyền vận động quần chúng tín đồ, chức sắc, nhà tu hành thực hiện tốt chủ trương chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước.

- Quản lý nhà nước về tôn giáo bằng chính sách, kinh tế - xã hội. Bằng việc thực hiện chính sách kinh tế thị trường định hướng XHCN, hội nhập kinh tế quốc tế; xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế, hệ thống pháp luật thực hiện có hiệu quả các chính sách xã hội như: thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo, đẩy mạnh công tác giáo dục và đào tạo, phổ biến, ứng dụng khoa học công nghệ... đã làm thay đổi diện mạo kinh tế - xã hội đất nước, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, củng cố lòng tin của nhân dân (trong đó có nhân dân là tín đồ tôn giáo) đối với Đảng và Nhà nước.

- Nhà nước ta đã sử dụng pháp luật về tôn giáo làm công cụ sắc bén đấu tranh với mọi âm mưu hoạt động lợi dụng tôn giáo chống lại Nhà nước Việt Nam, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân, xâm phạm chủ quyền quốc gia...

b) Hạn chế

- Tính hệ thống và đồng bộ của pháp luật về hoạt động tôn giáo chưa cao, nhiều quy định còn chung chung, thiếu tính cụ thể. Các quy phạm pháp luật về hoạt động tôn giáo ngoài được quy định trong pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo năm 2004 thì còn rải rác ở 85 văn bản pháp luật nên khi thực hiện gặp nhiều khó khăn. Nhiều nội dung của pháp luật về vấn đề nhà, đất của các tôn giáo, về đào tạo chức sắc tôn giáo, nhà tu hành; về hoạt động nhân đạo, từ thiện, về mở trường tư thục, dạy nghề cho trẻ em khuyết tật của tôn giáo chưa được hướng dẫn chi tiết, cụ thể khiến việc quản lý của nhà nước gặp không ít khó khăn.

- Nhiều vấn đề bức xúc đặt ra cho việc quản lý, tổ chức và hoạt động tại các trường, lớp tôn giáo như: tuyển sinh, đội ngũ giáo viên, những người quản lý, nội dung giảng dạy, xác định các loại hình trường, lớp tôn giáo, quan hệ với hệ thống giáo dục và các cơ quan chức năng của nhà nước, chưa được quy định và hướng dẫn cụ thể, gây khó khăn cho quản lý nhà nước về tôn giáo.

- Một số nội dung điều chỉnh của pháp luật về hoạt động tôn giáo thiếu thống nhất, thậm chí mâu thuẫn ngay trong một văn bản quy phạm pháp luật. Chẳng hạn, Thông tư số 01/1999/TT-TGCD, ngày 16/1/1999 của Ban Tôn giáo Chính phủ về các

hoạt động tôn giáo quy định "Nhà nước không chấp nhận việc chuyển giao nhà, đất của cá nhân thành cơ sở thờ tự của tôn giáo dưới bất cứ hình thức nào". Theo quy định như vậy thì mọi sự chuyển giao nhà, đất của cá nhân thành cơ sở thờ tự của tôn giáo đều là bất hợp pháp, kể cả trường hợp đất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng để xây dựng cơ sở tôn giáo. Quy định như vậy hoàn toàn mâu thuẫn và trái với luật đất đai. Hay sự thiếu thống nhất trong nội dung điều chỉnh của pháp luật về hoạt động tôn giáo còn thể hiện ở việc quy định hoạt động của dòng tu Công giáo. Theo Nghị định số 26/CP ngày 19/4/1999 của Chính phủ về hoạt động tôn giáo quy định: "Các dòng tu muốn hoạt động phải xin phép và được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền". Trong khi đó Thông tư số 01/1999/TT-TGCP ngày 16/6/1999 của Ban Tôn giáo Chính phủ lại hướng dẫn: Các dòng tu đang hoạt động ở Việt Nam cần đăng ký hoạt động với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Như vậy, cùng điều chỉnh một vấn đề nhưng giữa văn bản của Chính phủ và văn bản của Ban Tôn giáo Chính phủ đã thiếu sự thống nhất.

- Một số quy định về thủ tục giải quyết đối với hoạt động tôn giáo phải xin phép còn nặng nề, thiếu cụ thể, chưa quán triệt được yêu cầu về cải cách hành chính, như: Việc tổ chức tôn giáo phải xin phép được quy định rõ nhưng không quy định rõ điều kiện công nhận, chấp thuận và thời gian trả lời của cơ quan nhà nước. Hạn chế này dẫn đến việc giải quyết tùy tiện phụ thuộc vào ý chí chủ quan của người có thẩm quyền gây phiền hà cho các pháp nhân và thể nhân tôn giáo, tạo kẽ hở cho hành vi tiêu cực sách nhiễu dân.

- Thẩm quyền quản lý nhà nước về tôn giáo còn tập trung nhiều ở Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch UBND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, do đó khi phải giải quyết sự việc thì thường phải lấy ý kiến của nhiều cấp, nhiều ngành liên quan vì vậy, gây phiền hà, kéo dài thời gian. Cụ thể như: thủ tục xét duyệt nhân sự cho người là chức sắc tôn giáo xuất cảnh còn rườm rà, qua nhiều cấp xét duyệt, chưa quán triệt được nội dung và yêu cầu Nghị định số 05/2005/NDD-CP ngày 3/3/2000 của Chính phủ về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam.

- Một số nội dung quan trọng của pháp luật về hoạt động tôn giáo chưa được quy định. Ví dụ: việc công nhận tư cách pháp nhân cho tổ chức giáo hội của tôn giáo

là một vấn đề pháp lý rất quan trọng nhưng pháp luật về hoạt động tôn giáo lại chưa có quy định cụ thể...

- Các hoạt động tôn giáo vi phạm pháp luật như xây, sửa nơi thờ tự không xin phép chính quyền, các hoạt động lễ hội, quyên góp vượt ra ngoài khuôn khổ, khuôn viên thờ tự, hoạt động truyền đạo trái phép, phát triển các hội, đoàn, tách nhập cơ sở tôn giáo, mở các lớp học giáo lý, ngoại ngữ, tự do chuyển nhượng nhà đất cho giáo hội, không xin phép, không đúng quy định của pháp luật... diễn ra ở nhiều địa phương, nhưng chưa có văn bản quy định xử phạt hành chính với loại hành vi này, dẫn đến tình trạng các hoạt động này phát triển tràn lan, coi thường kỷ cương phép nước.

- Pháp luật về hoạt động tôn giáo còn nặng về điều chỉnh, xử lý các hoạt động tôn giáo vi phạm, chưa có quy định về xử lý đối với những cơ quan nhà nước, tổ chức và cán bộ viên chức nhà nước vi phạm khi thực hiện pháp luật về hoạt động tôn giáo...

2. Giải pháp tăng cường hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước về tôn giáo

Quản lý nhà nước về tôn giáo trong tình hình hiện nay là một nhiệm vụ chính trị quan trọng có tính chiến lược của Đảng và Nhà nước ta, trong bối cảnh quốc tế diễn biến phức tạp, vấn đề tôn giáo đang là nguyên cơ để các thế lực thù địch lợi dụng, âm mưu gây sức ép nhằm làm mất ổn định chính trị của đất nước. Do đó, để quản lý nhà nước về tôn giáo đảm bảo hiệu lực hiệu quả đòi hỏi phải thực hiện tốt một số giải pháp sau:

Một là, tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế cũng như phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội ở Việt Nam.

Pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo là một bộ phận quan trọng trong hệ thống pháp luật của nhà nước Việt Nam. Trước sự phát triển mạnh mẽ và nhanh chóng của các tôn giáo ở Việt Nam cũng như tính chất nhạy cảm, phức tạp của nó đòi hỏi phải tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, đó là điều kiện quan trọng nhất nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về tôn giáo. Đây cũng là quan điểm, chủ trương quan trọng được xác định trong các Nghị quyết Đại hội Đảng và Nghị quyết 48/NQ- TW ngày 24-5-2005 của Bộ Chính trị về " Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến 2020". Tóm lại, việc hoàn thiện hệ thống pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo không những tạo ra một hành lang

pháp lý nhằm đảm bảo các hoạt động tôn giáo diễn ra bình thường mà còn là công cụ hữu hiệu cho nhà nước thi hành chức năng của chủ thể quản lý.

Hai là, đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về tín ngưỡng tôn giáo, tuyên truyền đối ngoại tôn giáo.

Công tác phổ biến, tuyên truyền giáo dục pháp luật cần được tăng cường thường xuyên, liên tục nhằm làm cho cán bộ và nhân dân, đặc biệt là quần chúng tín đồ tôn giáo hiểu biết và chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật. Do đó, các cơ quan chức năng và toàn thể hệ thống chính trị phải đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục thông qua hệ thống truyền thông (báo, đài, internet); qua các Hội nghị, lớp tập huấn, hội thảo; phát hành các loại sách, tạp chí, tờ truyền (tờ rơi) về pháp luật tôn giáo cho các chức sắc tôn giáo, nhà tu hành và quần chúng tín đồ. Chú ý thực hiện tốt ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc, miền núi và vùng đặc biệt khó khăn.

Tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền đối ngoại tôn giáo, hướng dẫn các tôn giáo thực hiện quan hệ đối ngoại phù hợp với đường lối đối ngoại của Đảng, Nhà nước, làm cho thế giới có thông tin và hiểu đúng về tình hình hoạt động tôn giáo; chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta. Tạo ra quan hệ giao lưu hội nhập quốc tế về tôn giáo góp phần hạn chế âm mưu lợi dụng tôn giáo, xuyên tạc tình hình tôn giáo để làm tổn hại uy tín của nhà nước Việt Nam, làm phương hại đến chủ quyền và an ninh quốc gia.

Ba là, kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về tôn giáo đồng bộ thống nhất từ Trung ương đến địa phương.

Để tổ chức thực hiện tốt cần xây dựng hệ thống bộ máy quản lý nhà nước về tôn giáo thống nhất, đồng bộ, có sự phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan trong hệ thống, đảm bảo tính chủ động và chịu trách nhiệm cao. Bộ máy quản lý nhà nước về tôn giáo cần tổ chức theo ngành dọc và kết hợp chặt chẽ giữa quản lý ngành với quản lý theo địa bàn lãnh thổ và ngược lại. Phải tạo ra sự chuyển biến quan hệ giữa Nhà nước và Giáo hội, các tổ chức tôn giáo khác; giữa cơ quan hành chính nhà nước với các chức sắc, nhà tu hành và tín đồ tôn giáo. Cần nâng cao trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước và viên chức (thực hiện nhiệm vụ đó) trong thực hiện nghĩa vụ công vụ hành chính với hoạt động tôn giáo và đồng bào tôn giáo.

Thực hiện tốt việc phân cấp quản lý đối với tổ chức tôn giáo trong bộ máy hành chính nhà nước. Tăng cường vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong thực hiện chính sách pháp luật về tôn giáo.

Bốn là, tăng cường phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, kết hợp vận động quần chúng tín đồ. Văn kiện Đại hội X của Đảng xác định: "Thực hiện tốt các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, văn hoá của đồng bào các tôn giáo". Do đó cần thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, nơi tập trung đông đảo tín đồ tôn giáo, hoàn thiện các chính sách xã hội, đẩy mạnh công tác giáo dục đào tạo, trợ giúp về kiến thức, giống, vốn sản xuất kinh doanh cho tín đồ tôn giáo vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo... Thực hiện có hiệu quả chương trình xoá đói giảm nghèo, phong trào nhân đạo từ thiện, khắc phục những yếu tố tiêu cực trong hoạt động tôn giáo như: lễ nghi rườm rà, tốn kém về thời gian, tiền của; vận động quyên góp không có sự quản lý của chính quyền... Thực hiện tốt chính sách tự do tín ngưỡng, tôn giáo, bình đẳng giữa các tôn giáo trước pháp luật của Đảng, Nhà nước ta. Tuyên truyền vận động chức sắc, nhà tu hành, tín đồ tôn giáo thực hiện "tốt đời đẹp đạo, kính chúa yêu nước". Phát huy được mặt tích cực của giá trị văn hoá và đạo đức tôn giáo, làm lành mạnh hoá các quan hệ trong đời sống xã hội.

Thứ năm, xây dựng lực lượng chính trị ở vùng đồng bào có đạo.

Trước hết phải xây dựng, củng cố tổ chức Đảng, hệ thống chính trị ở cơ sở, nâng cao vai trò lãnh đạo và năng lực quản lý của cấp uỷ, chính quyền các cấp. Xây dựng Mặt trận Tổ quốc là các đoàn thể trong sạch vững mạnh. Chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, sử dụng hiệu quả nhân tố tích cực tín đồ tôn giáo để tham gia vào bộ máy quản lý. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở. Quan tâm xây dựng các thiết chế văn hoá nhằm không ngừng phát huy vai trò của quần chúng tín đồ vào sự nghiệp chung của quê hương, đất nước.

Thứ sáu, nâng cao trách nhiệm của các cơ quan chức năng, bộ máy chính quyền các cấp trong quản lý hoạt động tôn giáo.

Chính quyền các cấp và cơ quan chức năng cần phải kết hợp chặt chẽ, phát hiện kịp thời và đấu tranh kiên quyết với hoạt động lợi dụng tôn giáo làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội; kiên trì đấu tranh loại trừ các hủ tục như; mê tín, dị đoan, lợi dụng buôn thần, bán thánh... Thực hiện tốt quản lý nhà nước đối

với hoạt động tôn giáo như: lễ hội, đăng ký quản lý hội, đoàn tôn giáo, dòng tu, coi nói, xây dựng, sửa chữa nơi thờ tự tôn giáo... theo quy định của pháp luật.

Trên đây là các giải pháp chủ yếu để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về tôn giáo trong tình hình hiện nay. Trong thực hiện nó cần được bổ sung cả về mặt lý luận và thực tiễn giúp cho công tác quản lý nhà nước về tôn giáo ngày càng tốt hơn, đáp ứng yêu cầu đề ra.

Kết luận

Phân tích những cơ sở lý luận cơ bản quản lý nhà nước về tôn giáo. Tiểu luận nêu lên những khái niệm cơ bản về tôn giáo, hoạt động tôn giáo, các yêu cầu đòi hỏi phải quản lý nhà nước về tôn giáo, các nguyên tắc quản lý nhà nước về tôn giáo, nội dung quản lý nhà nước về tôn giáo, thực trạng quản lý nhà nước về tôn giáo và giải pháp tiếp tục thực hiện nhằm đảm bảo hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về tôn giáo trong thời gian tới.

Tôn giáo được Đảng ta xác định "là vấn đề còn tồn tại lâu dài", "đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng CNXH". Khẳng định "tín ngưỡng tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân", "đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với sự nghiệp xây dựng xã hội mới". Thực hiện quan điểm đó, Nhà nước ta đã cụ thể hoá bằng hệ thống pháp luật về tôn giáo để không ngừng nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước về tôn giáo. Đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân, quyền bình đẳng của các tôn giáo trước pháp luật, quyền hoạt động tôn giáo "bình thường", đồng thời kiên quyết đấu tranh có hiệu quả với các thế lực thù địch âm mưu, lợi dụng tôn giáo nhằm mục đích chính trị, chống phá cách mạng nước ta.

Trong quá trình thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tôn giáo, bên cạnh những thành tựu, ưu điểm còn có không ít những hạn chế bất cập đòi hỏi cần phải tiếp tục bổ sung hoàn thiện như từ hệ thống pháp luật đến tổ chức bộ máy, từ cơ quan Trung ương đến chính quyền địa phương, từ bộ máy hành chính đến Mặt trận và các đoàn thể; đồng thời cần phải thực hiện đồng bộ các giải pháp, tăng cường trách nhiệm của các cấp các ngành... Có như vậy, công tác quản lý nhà nước về tôn giáo mới đảm bảo hiệu lực, hiệu quả.

Danh mục tài liệu tham khảo

1. *Tìm hiểu pháp luật Việt Nam về tín ngưỡng, tôn giáo* của TS. Trần Minh Thư.

2. *Vấn đề tôn giáo trong cách mạng Việt Nam, lý luận và thực tiễn*, Sách tham khảo nội bộ của Đỗ Quang Hưng.
3. *Tôn giáo và đời sống hiện đại của Viện Khoa học Xã hội Việt Nam*, Viện Thông tin khoa học xã hội (5 tập).
4. *Văn kiện Đại hội Đảng IX, X*.
5. *Văn kiện Hội nghị Trung ương 7 khoá IX của Đảng*.
6. *Nghị quyết 24 NQ/TW ngày 16/10/1990 của Bộ Chính trị*.
7. *Nghị định 26/CP của Chính phủ*.
8. *Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo năm 2004*.
9. *Nghị định số 22/2005/NĐ-CP của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo*.

This image shows a full page of white paper with horizontal dotted lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page, providing a guide for handwriting practice. There are no margins, text, or other markings on the page.

Mục lục

	Trang
Lời nói đầu	1
<i>Phần thứ nhất: Cơ sở lý luận về quản lý nhà nước đối với hoạt động</i> tôn giáo ở Việt Nam	3
<i>Phần thứ hai: Nội dung quản lý nhà nước về tôn giáo; thực trạng và giải</i> pháp đảm bảo hiệu lực, hiệu quả trong thời gian tới	6
I. Nội dung quản lý nhà nước về tôn giáo	6
II. Thực trạng và giải pháp tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về tôn giáo	10
Kết luận	19
Danh mục tài liệu tham khảo	21